

Phần thứ I

NHỮNG KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU

Chương I

VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA

Hiện nay đâu đâu cũng bàn đến văn hóa. Trong hoàn cảnh hiện nay của một thế giới mở cửa, văn hóa được mọi người chú ý, tầm quan trọng của văn hóa được nêu lên hàng đầu. UNESCO thừa nhận văn hóa là cội nguồn trực tiếp của phát triển xã hội, có vị trí trung tâm và đóng vai trò điều tiết xã hội. Trong những nước tiền tiến, sự chi tiêu cho văn hóa ngày càng lớn, vượt cả sự chi tiêu để sinh sống. Kinh doanh văn hóa trở thành một ngành lớn đem lại thu nhập không kém thu nhập công nghiệp và thương nghiệp.

Tiếc rằng, cho đến nay chưa có một định nghĩa thống nhất về văn hóa. Để xây dựng một ngành khoa học về văn hóa nhằm bảo vệ và phát huy văn

hóa, đồng thời để kinh doanh, nâng cao mức sống nhân dân, cần phải có một định nghĩa thích hợp. Nếu cho văn hóa là lối sống, là một tập hợp những ngành khác nhau như tôn giáo, tín ngưỡng, văn học, nghệ thuật thì không ổn, bởi vì ta không thể căn cứ vào đó rút ra một tiêu chí gì chung, bát biến mà chỉ văn hóa có mà thôi.

Trước hết, văn hóa không phải là một vật. Không có một vật gì chỉ là văn hóa mà không đồng thời không là cái gì khác nữa. Thứ hai, không có cái gì lại không có cái mặt văn hóa của nó. Môi trường thiên nhiên hiện nay cũng có mặt văn hóa. Nhiều nước có một loại chính đảng mới trước đây không hề có gọi là "Đảng Xanh" lo bảo vệ môi trường thiên nhiên, cải thiện nó vì phúc lợi của con người. Văn học, chẳng hạn, nếu nghiên cứu sự phát triển ở bản thân nó là thuộc ngành khoa học riêng, nhưng văn học không chỉ phát triển tự thân mà còn chịu ảnh hưởng của tâm thức để đáp ứng những yêu cầu của tâm thức. Chẳng hạn, văn học Việt Nam trước sau là để trả lời những yêu cầu của người Việt Nam về Tổ quốc, gia đình, thân phận, diện mạo của người Việt Nam; các yêu cầu này được giải quyết khác nhau theo từng giai đoạn lịch sử cụ thể, nhưng có mặt trong mọi giai đoạn. Đó là mặt văn hóa học của văn học. Một nền văn hóa ở một nước khác thì lại có những yêu cầu khác. Văn học châu Âu chẳng hạn thường nói đến Thượng đế, linh hồn, ý thức cá nhân, nhân loại là những chủ đề văn học Việt Nam không bàn đến, ít nhất là trước 1930. Như vậy là

mỗi nền văn học đều có cái mặt văn hóa nọc của nó. Khi nghiên cứu bất kì bộ môn nào mà ta bỏ qua mặt văn hóa học của nó, thì thực tế ta đang lâm vào một tình trạng khoanh vùng khá vỡ đoán.

Về triết học, lại càng rõ. Nhiều nhà triết học phương Tây không cho Khổng Tử là nhà triết học. Hai vấn đề chủ chốt của triết học phương Tây là lí luận về nhận thức và thế giới quan, theo họ - đây là theo họ - không có trong Khổng Tử. Còn các lí luận của Khổng Tử về tu thân, chữ nhân, chữ hiếu... thì theo Hegel đánh giá trong quyển "*Những bài giảng về lịch sử triết học*" chẳng có giá trị triết học. Điều này chứng tỏ sự có mặt của văn hóa học là cần thiết như thế nào cho phương Đông và phương Tây hiểu được nhau.

1. Một định nghĩa thao tác luận về văn hóa

Chúng ta cần phải có một định nghĩa thao tác luận về văn hóa. Một định nghĩa theo kiểu này cho phép ta:

(1) Nắm được cái mặt gọi là văn hóa trong mọi hiện tượng hết sức khác nhau. Vì văn hóa không phải là một vật có thể phân xuất ra như cây cỏ trong thực vật học, cũng không có cái gì lẫn lộn được với nó.

(2) Nắm trong tay những biện pháp để đổi mới văn hóa, tạo nên những đồ vật có giá trị văn hóa đem đến thu nhập trong kinh doanh, đồng thời bảo vệ được văn hóa.

Một khi văn hóa không phải là một đồ vật, mà là một quan hệ, có mặt ở mọi tộc người và chỉ ở con người mà thôi, thì không thể nào tìm một định nghĩa về văn hóa ở các ngành khoa học tự nó đã chia cắt loài người ra thành những tập đoàn khác nhau như dân tộc học, xã hội học, kinh tế học, chính trị học. Cần phải tìm nó ở những khoa học nghiên cứu loài người một cách tổng thể như tâm lí học, triết học.

Con người có một kiểu lao động riêng: anh ta tạo nên một sản phẩm theo cái mô hình trong óc anh ta. Nghiên cứu sản phẩm ở ngoài cái mô hình trong óc anh ta là chuyện của khoa học, kỹ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật. Nghiên cứu cái mô hình trong óc anh ta là chuyện của triết học, văn học, nghệ thuật. Còn nghiên cứu mối quan hệ giữa cái mô hình trong óc với cái mô hình anh ta tạo ra là chuyện của văn hóa học. Khi làm điều đó, khái niệm đầu tiên mà văn hóa học bắt gặp là *kiểu lựa chọn*. Trong mối quan hệ này, giữa các kiểu mô hình, mỗi tộc người có một kiểu lựa chọn khác nhau.

Đã gọi là kiểu lựa chọn thì không có sự bắt buộc dứt khoát phải thế này hay thế khác. Ăn là một nhu cầu chung của con người. Nhưng kiểu lựa chọn xuất hiện ngay trong cách ăn: ta có cách ăn bốc, ăn đũa, ăn thìa, ăn dao nĩa. Không bàn đến chuyện cách ăn nào là hay hơn, chỉ biết mỗi tộc người cho cách ăn của mình là ngon miệng hơn. Đối xử như thế nào với một người chết? Có những cách lựa chọn khác nhau: địa táng (chôn dưới đất), thủy

táng (thả xuống nước), hỏa táng (đốt thành tro), điểu táng (để xác cho chim ăn thịt), ướp xác, tượng táng (biến xác chết thành bức tượng quét sơn lên để giữ). Chôn một lần, chôn hai lần. Chôn trong nghĩa địa riêng của gia đình hay chôn chung không phân biệt. Mỗi cách lựa chọn như vậy đều có một lý thuyết riêng bênh vực cho nó và có những nghi lễ riêng khẳng định tính ưu việt của nó.

Không có văn hóa tự túc, văn hóa nào cũng cần đến sự giao tiếp để phát triển. Nhưng giao tiếp văn hóa trước hết là bắt gặp những kiểu lựa chọn khác mình và thế nào cũng có sự pha trộn về kiểu lựa chọn. Có khi kiểu lựa chọn mới thắng kiểu lựa chọn có sẵn. Trên người tôi, từ đầu tóc, quần áo, cho đến giày dép đều bắt nguồn từ phương Tây. Mặc dầu thế, những thay đổi này không mấy may ảnh hưởng đến yêu cầu của tâm thức tôi là đất nước độc lập, gia đình hòa thuận, thân phận đảm bảo và diện mạo được tôn trọng và để đạt được những mục đích này tôi phải chọn một kiểu sống khác lối sống chạy theo tiền tài, quyền lực. Tôi phải biết làm chủ những ham muốn của mình.

Vậy tôi có thể đưa ra định nghĩa sau đây:

Văn hóa là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng trong óc một cá nhân hay một tộc người với cái thế giới thực tại ít nhiều đã bị cá nhân này hay tộc người này mô hình hóa theo cái mô hình tồn tại trong biểu tượng. Điều biểu hiện rõ nhất chứng tỏ mối quan hệ này, đó là văn hóa dưới hình thức dễ thấy nhất, biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng

của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của các cá nhân hay các tộc người khác.

Trong định nghĩa này, không nói đến lịch sử, mà chỉ xét mặt bên ngoài của cái hiện tượng độc đáo mang tên văn hóa mà thôi. Chỉ cần nhìn ta cũng thấy các cá nhân cũng như các tộc người có vô số kiểu lựa chọn khác nhau trong ăn mặc, nhà ở, gia đình, lối sống, tổ chức xã hội, khoa học kĩ thuật. Và người ta dễ dàng chuyển từ cách lựa chọn này sang cách lựa chọn khác, đồng thời không có một cá nhân nào, một tộc người nào hiện nay chỉ theo một cách lựa chọn duy nhất. Nếu chỉ nhìn ở khía cạnh biểu hiện mà thôi thì văn hóa sẽ là một cái gì hết sức hời hợt, chốc lát, mong manh. Nhưng thực tế không phải như vậy. Tuy một cá nhân, một tộc người có thể có vô số kiểu lựa chọn khác nhau, tùy theo sở thích; nhưng khi nhìn kĩ ta sẽ thấy có những yêu cầu, những mục đích bất biến tạo thành bản sắc văn hóa, chứ không phải là những biểu hiện khác nhau của các kiểu lựa chọn. Trong phần nói đến bản sắc, chúng tôi sẽ nêu lên những yêu cầu bất biến, ở đây tạm thời chúng ta chấp nhận cách lí giải sơ bộ này để khỏi lấn lộn văn hóa với cái chỉ là một mặt của văn hóa (tôn giáo, tín ngưỡng, văn học...), để khỏi lấn lộn cách nhìn của văn hóa học với cách nhìn của các bộ môn khác.

2. Độ khúc xạ

Không có một phát minh, một khái niệm nào mà không trải qua những thay đổi, những cải tiến,

những bổ sung qua trường kỳ lịch sử để trở thành vô cùng đa dạng. Xét về khía cạnh tiếp thị, không phải dân tộc nào phát minh thì sẽ chiếm ưu thế trên thị trường và đem đến giàu có cho đất nước, mà dân tộc nào biết tiếp thị rồi cải tiến đến mức độ cao nhất, từ đó tạo nên thị trường có tính chất thế giới, để rồi sau đó thế giới gần như chỉ biết có dân tộc này thôi. Chè là sản phẩm xuất phát từ Đông Nam Á. Nhưng khi người Trung Quốc tiếp nhận, do sức mạnh của văn hóa Trung Quốc, trên thế giới có con đường chè làm cho Trung Quốc giàu có, làm thành sự say mê của cả thế giới cho đến ngày nay. Nói khác đi, một phát minh, một tư tưởng, thế nào cũng khúc xạ khác nhau qua những nền văn hóa khác nhau. Ai thực hiện được sự khúc xạ thành công nhất, người ấy thắng. Cho nên nghiên cứu văn hóa theo quan điểm văn hóa học *cần phải chú ý đến độ khúc xạ*. Đạo Phật sinh ra ở Ấn Độ nhưng vấp phải hàng rào đẳng cấp bắt rẽ sâu sắc trong đạo Bà La Môn, rồi Ấn Độ giáo, nên sau đó lui tàn. Trái lại, những hòa thượng chân đất của Ấn Độ đã hoán cải cả Đông Á và Đông Nam Á, vì ở đây không có hàng rào đẳng cấp khắc nghiệt. Kết quả của sự khúc xạ vĩ đại này là *một sự đổi mới về tâm thức của cả Viễn Đông*. Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XVI văn hóa Trung Quốc là cao nhất thế giới. Công trình khoa học nổi tiếng thế giới của Joseph Needham *Khoa học ở Trung Hoa truyền thống*

(Science in Traditional China) (1) đã chứng minh quá nửa các thành tựu khoa học ta biết được hiện nay đều bắt nguồn từ Trung Quốc, nhưng rồi các thành tựu ấy được khúc xạ qua văn hóa phương Tây tạo thành văn minh phương Tây ngày nay, trong khi Trung Quốc lại lạc hậu.

Có hai cách thực hiện sự khúc xạ. Một là cách tự phát; thí dụ: cây lúa. Theo các nhà khảo sát nguồn gốc cây trồng lúa sinh ra ở vành đai từ chân Himalaya qua tây bắc Việt Nam rồi lên đến tây nam Trung Quốc. Nhưng trong quá trình gieo trồng, do ảnh hưởng của môi trường, khí hậu và cách gieo trồng, ta có vô số giống lúa khác nhau. Cách này mất rất nhiều thời gian và trải qua nhiều vấp váp. Chờ đợi ở sự khúc xạ tự phát là vô trách nhiệm, thò ơ trước những vấp váp, và cả những đau khổ của nhân dân.

Nhà văn hóa học không đợi chờ ở cách khúc xạ tự phát mà bắt tay vào con đường thứ hai: *khúc xạ tư giác*. Anh ta nghiên cứu tâm thức dân tộc và yêu cầu hiện tại của thế giới để chuyển các thành tựu về tư tưởng, khoa học kĩ thuật vào Việt Nam sao cho ít gây xáo trộn nhất và đổi mới được đất nước vì hạnh phúc của con người lao động. Con đường này rất khó khăn, dễ bị hiểu lầm và dễ mắc sai lầm, nhất là khi cái tâm của người nghiên cứu không phải thực sự lo cho dân, cho nước, mà lo mưu lợi cho bản thân, thì lúc đó như một nhà văn Pháp nói: "*Khoa học không có lương tâm chỉ là sự phá sản của tâm hồn*".

Hiện nay, những con người lo lắng đến sự an ninh và phồn vinh của thế giới đều đi con đường này. Chưa bao giờ những con người thiện chí của thế giới lại thống nhất với nhau như ngày nay trong cách nhìn văn hóa như là động lực của sự phát triển. Những Đảng Xanh xuất hiện ở nhiều nước tiên tiến đòi bảo vệ môi trường cho sự tồn tại chung của nhân loại. Tổ chức UNESCO phát động một thập kỉ văn hóa, và những nhà trí thức đang tìm mọi cách sử dụng văn hóa để góp phần tạo nên một thế giới phúc lợi cho toàn thể loài người vượt qua các hàng rào đã được dựng lên bởi những sự phân chia chủng tộc, bởi lí thuyết cạnh tranh sinh tồn, lí thuyết vị chủng, lí thuyết Đại Đông Á, cũng như lí thuyết Đôminô về nguy cơ của chủ nghĩa cộng sản.

Văn hóa học có cách khảo sát riêng của nó, đối tượng riêng của nó không giống bất kì bộ môn KHXH nào. Một thí dụ: Nho giáo. Nghiên cứu Nho giáo ở bản thân nó như Trần Trọng Kim và những người khác đã làm không thuộc phạm vi văn hóa học mà thuộc phạm vi triết học. Nhưng nghiên cứu độ khúc xạ của Nho giáo ở Việt Nam, nêu rõ sự khác nhau giữa Nho giáo Việt Nam với Nho giáo Trung Quốc, rồi vạch ra kiểu lựa chọn của Việt Nam, không chỉ trong tư tưởng, học thuật, mà cả trong xã hội, tâm thức Việt Nam biểu hiện ở văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng, phong tục, chính trị... tạo thành một kiểu lựa chọn riêng của người Việt Nam, khác kiểu lựa chọn của các tộc người khác lại thuộc lĩnh vực văn hóa học, không thuộc bộ môn nào khác. Sau đó, nhìn tình hình hiện tại tìm cho ra độ khúc xạ của

một tâm thức chịu ảnh hưởng Nho giáo sao cho thích hợp với thế giới hiện nay, trong đó khoa học, kĩ thuật của phương Tây thực tế đã làm bá chủ, cũng thuộc phạm vi văn hóa học.

Văn hóa học không tán dương hay mạt sát mà đi con đường thực chứng. Nó không theo con đường của âm dương, ngũ hành. Nó không xuất phát từ sự phân chia văn hóa theo tiêu chuẩn du mục hay nông nghiệp mà theo hẵn con đường phương pháp luận của phương Tây, trong khi tìm cách đổi mới những khái niệm phương Tây sao cho ăn khớp với thực tế Việt Nam để tạo nên một hệ thuật ngữ riêng của ngành khoa học của mình. Điều này là then chốt: một khoa học chỉ là khoa học khi có đối tượng riêng, phương pháp riêng và hệ thuật ngữ riêng.

3. Văn hóa và văn minh

Văn minh chủ yếu liên quan tới kĩ thuật làm chủ thế giới, biến đổi thế giới sao cho đáp ứng đòi hỏi của con người. Thế giới đã trải qua nhiều nền văn minh: văn minh đồ đá, văn minh du mục, văn minh nông nghiệp, văn minh thương nghiệp, văn minh công nghiệp và đang bước vào văn minh hậu công nghiệp. Một thành tựu của văn minh thường lan rộng khắp thế giới. Cho nên nghiên cứu văn minh là nghiên cứu mặt động của trí tuệ, tâm thức con người. Dĩ nhiên văn minh có mặt văn hóa của nó. Mặt văn hóa này biểu lộ trước hết trong giáo dục nhân dân để tiếp thu nền văn hóa của một xã

hội cụ thể, trong những xu hướng chủ đạo trong tư tưởng, chính trị, kinh tế, xã hội. Phần nói về văn hóa Trung Hoa sẽ cung cấp một cái nhìn về văn hóa với tính cách sự lựa chọn là cách khác tùy theo văn hóa, đồng thời lại lâu dài và bao gồm nhiều lĩnh vực.

Nếu như văn minh của loài người tiến lên không ngừng, thì văn hóa lại không thể. Có những nước văn minh rất cao nhưng văn hóa lại suy giảm. Biểu hiện rõ rệt nhất là thế giới hiện nay. Trong khi với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, cả nhân loại đang tiến nhanh tới một thế giới phồn vinh, với những quan hệ gần gũi như trong một làng thì tình trạng suy giảm về văn hóa của cả thế giới lại rõ rệt hơn bao giờ hết.

Tâm trạng của người viết công trình này là tâm trạng của tác giả của quyển "*Một bước mở đầu mới*" (Un Nouveau commencement) (2) trong phần lời nói đầu:

"Chúng ta chưa ở bước đầu của hậu lịch sử, chúng ta không ở kết thúc của thời tiền sử loài người, chúng ta ở một bước khởi đầu mới. Chúng ta sẽ phải đương đầu với những vấn đề khổng lồ của "*tình trạng kém phát triển*" của thế giới thứ ba và của tình trạng kém phát triển của con người của chính chúng ta về thể xác và đạo đức. Chúng ta sẽ phải đương đầu với sự xâm lăng của khoa học kỹ thuật vào dân chủ, vào đời sống hàng ngày và cuối cùng vào tư duy. Chúng ta sẽ phải học lại cách nhìn, cách quan niệm, cách hành động. Chúng ta

chưa biết con đường, nhưng chúng ta biết rằng cứ đi sẽ làm thành con đường. Chúng ta không có lời hứa hẹn, nhưng chúng ta biết rằng cái không thể làm được sẽ trở thành có thể làm được. Chúng ta có một tất yếu: cách mạng hóa để duy trì và duy trì để cách mạng hóa. Chúng ta có một nhiệm vụ: cứu lấy sinh quyền và văn minh hóa thế giới này. Đó là cái tương lai mới, bấp bênh và mong manh mà chúng ta không phải nuôi dưỡng. Chúng ta không có đất hứa, nhưng chúng ta có một khát vọng, một ý chí, một huyền thoại, một giấc mơ "văn minh hóa Tổ quốc trái đất" (Edgar Morin).

Đây là tâm trạng chung của những người lo trước trong một thế giới mới đang bắt đầu. Các tín điều của thế giới cũ đang sụp đổ đi tới tự phủ định. Tín điều về chiến tranh, vũ khí đang dần dần nhường chỗ cho lý thuyết giải trừ vũ khí, xoá bỏ chiến tranh. Tín điều tiến hóa luận mất chỗ đứng: con người thế kỷ XX còn dã man hơn trước. Tín điều khoa học luận đứng trước nguy cơ của một phần văn hóa thế giới sẽ tiêu diệt cả khoa học lẫn loài người.

Các thành kiến chủ trương chia rẽ, mạnh được yếu thua, ưu thế màu da, tiền của, khoa học - kỹ thuật, giải quyết bằng bạo lực đang bộc lộ phản giá trị của mình. Người ta tự hỏi: tại sao trong khi sức sản xuất của thế kỷ này vượt sức sản xuất của toàn nhân loại từ trước đến giờ cộng lại, con người lại khổ hơn, cô đơn hơn, lo lắng về tương lai hơn bao giờ hết? Sao chúng ta làm khổ nhau đến thế này? Mà tự thân mình nào có sướng hơn!

Con đường đi vạn dặm mà loài người đã đi sai ngay từ bước đầu. Không phải kỹ thuật, văn minh đem đến hạnh phúc mà văn hóa, một văn hóa xuất phát từ khoan dung. Tôi có cách lựa chọn của tôi và vì tôn trọng cách lựa chọn này nên sẽ không gạt bỏ cách lựa chọn của bạn. Nhiệm vụ của văn hóa không phải là độc tôn một kiểu lựa chọn duy nhất mà là xây dựng một lý thuyết cho phép các kiểu lựa chọn tồn tại, đồng thời không cho phép kiểu lựa chọn nào làm bá chủ bằng sức mạnh, quyền lực. Điểm bắt đầu sai: lẽ ra phải xây dựng con người biết tự kiềm chế mình, hạn chế những tham vọng ích kỷ hại tới kẻ khác thì lí luận "*ý chí quyền lực*" lại tạo nên những kẻ hung hăng, vô trách nhiệm. Lẽ ra phải biết chỗ dừng trong từng chặng đường với mục tiêu không thay đổi là những việc cần cơ bản nhất của giống người trong từng chặng đường, rồi tùy theo khả năng nhân tạo hóa môi trường, loài người, mà tiến lên dần dần trong hòa hợp, tình thương, thì xuất hiện trò chạy đua tán loạn, vô mục đích của những người mất trí.

Chủ nghĩa đế quốc đã tính sai... Lợi dụng ưu thế về văn minh, nó gán ưu thế cho một chế độ kinh tế, một chế độ chính trị, nêu lên chiêu bài khai hóa để nô dịch thế giới. Nhưng kết quả là gì sau ngót hai thế kỉ? Vì không thể có văn hóa đế quốc chủ nghĩa mà chỉ có thể có chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, cho nên khi nhập vào các nước thuộc thế giới thứ ba nó không đem lại hạnh phúc mà tạo nên những tệ nạn bị các dân tộc lên án.

Trái lại, những vị hòa thượng chân đất từ Ấn Độ đã hoán cải cả Đông Á và Đông Nam Á, tạo nên một phần quan trọng của diện mạo văn hóa trên toàn bộ khu vực. Sự thống nhất tinh thần của châu Âu là dựa trên tinh thần Thiên Chúa giáo đã tiếp thu văn hóa Hy Lạp.

Những cuộc tiếp xúc ô ạt dựa trên lưỡi kiếm, đồng tiền, kỹ thuật rồi sẽ qua đi. Trái lại, những nỗ lực trầm lặng của những cá nhân mang trong lòng cái mà Căng (Kant) gọi là "*nhiệt tình lạnh*" đã hoán cải thế giới.

Điều kiện để cho giao lưu văn hóa thành công chính là hòa bình, và sự tiếp xúc càng có kết quả khi giữa hai tộc người không có thành kiến. Việt Nam đã trải qua trên một ngàn năm Bắc thuộc nhưng ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc này không to lớn. Trái lại, từ khi nước Việt Nam giành được độc lập thì ảnh hưởng này lại rất sâu rộng. Hai ông vua chịu khó học tập văn hóa Trung Quốc nhất là Lê Thánh Tông và Minh Mệnh và chính dưới thời hai ông vua này nước Việt Nam hùng mạnh nhất, không phải lo giặc ngoại xâm từ phương Bắc. Văn hóa Pháp tồn tại ở Việt Nam không phải do súng đạn mà do công của các học giả Pháp, các cơ quan giáo dục Pháp.

Cho nên trong sự giao lưu trước mắt, khi chủ nghĩa đế quốc không còn, chính quyền dân tộc vững vàng và ổn định, chắc chắn sẽ đem đến nhiều kết quả có ích cho cả Việt Nam lẫn nước ngoài. Một

người không có thành kiến có thể thấy trong mười năm qua từ 1985, từ khi Việt Nam thi hành chính sách đổi mới, ảnh hưởng văn hóa thế giới là mạnh hơn rất nhiều so với thời Pháp thuộc, hay thời Mỹ thống trị ở miền Nam. Có một sự cấu trúc hóa lại đang diễn ra trong mọi lĩnh vực.

Trong sự giao lưu này cần phân biệt hai tình trạng:

Văn hóa hiện đại không xuất phát từ phương Đông, mà từ phương Tây tư bản chủ nghĩa. Dù cho phương Tây tư bản chủ nghĩa có những tệ nạn to lớn do phản văn hóa của các nước này gây nên, phương Tây sẽ tự mình khắc phục được, cũng như nó đã tự khắc phục được những nhược điểm của thời đế quốc chủ nghĩa để cứu chủ nghĩa tư bản khỏi sụp đổ theo chủ nghĩa đế quốc. Dù cho cá nhân luận theo nghĩa xấu có mạnh đến đâu, không phải chủ nghĩa này có thể thắng được chủ nghĩa nhân đạo ở một đất nước có truyền thống dân chủ, tự do được. Sẽ có một sự hoán cải cá nhân luôn theo tinh thần nhân đạo, do các nhà văn hóa của nó khởi xướng và sẽ được hàng trăm triệu người hưởng ứng.

Điều đáng lo là ở những nước thuộc thế giới thứ ba. Các nước này tiếp nhận nền văn hóa hậu công nghiệp như một vật thể ở bên ngoài nó. Một nước như Việt Nam phải làm nhiều việc mà một nước phương Tây không phải làm. Nó phải chuyển văn hóa của nó trước kia là văn hóa nông thôn, "*nông thôn bao vây thành thị*", thành văn hóa đô

thị để đô thị hóa nông thôn theo văn hóa của mình. Hai là nó phải chuyển cái tâm thức ngàn xưa để theo chủ nghĩa duy lý, chấp nhận óc phê phán, tự do cá nhân và óc phân tích, tức là những thành quả tạo nên văn hóa phương Tây.

Để làm điều đó, nó có một cơ sở rất vững chắc là *nhân cách luận cách mạng*. Việt Nam không xét con người ở cá nhân mà ở nhân cách, tức là ở các bốn phận cá nhân phải thực hiện đổi mới Tổ quốc, gia đình, để có được một Thân phận yên ổn và một Diện mạo được tôn trọng. Con người Việt Nam là con người bốn phận. Cần phải tạo ra trong toàn bộ nhân dân ý thức về bốn phận này, làm tất cả cho đất nước độc lập, nhân dân giàu có, tránh được tình trạng bất bình đẳng quá đáng.

Để tiến hành việc này, phải có sự lãnh đạo của Đảng. Có thể có những chủ trương hữu khuynh hay tả khuynh trong sự lãnh đạo, nhưng với kinh nghiệm rút ra từ thực tế, với sự đóng góp của những người có thiện chí, nhất định sẽ khắc phục được. Trái lại, một sự thay đổi ô ạt sẽ gây xáo trộn. Người được hưởng lợi không phải là nhân dân lao động mà những kẻ ích kỉ, bọn tham ô, lăng phí. Đảng ta có truyền thống tốt đẹp do Hồ Chí Minh mở đầu. Nếu lấy thực tế làm tiêu chuẩn của chân lí, lấy hạnh phúc người lao động làm thước đo, lấy lòng trung thành của nhân dân vào XHCN làm cơ sở, Việt Nam chắc chắn sẽ tiến nhanh.

Không có đũa thần nào trên con đường đổi mới cả. Nhưng có nguyên lí làm việc: vượt gop.

4. Vượt gộp

Tôi dùng chữ "*vượt gộp*" để dịch khái niệm *Aufheben* của Đức hay *dépassemement* của Pháp. *Vượt gộp* có nghĩa là tiếp thu được cái mới nhưng đổi mới được nó trên cơ sở một cái cũ cũng đã được đổi mới cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Nó có nghĩa là bảo vệ được cả cái cũ lẫn cái mới sao cho thích hợp với sự đổi mới cần phải tiến hành. Như vậy "*vượt gộp*" không phải là nhắm mắt chạy theo cái mới, vứt bỏ cái cũ, cũng không phải là khu khu giữ lấy cái cũ, từ bỏ cái mới.

Truyền thống văn hóa Việt Nam là *truyền thống vượt gộp*. Hai nhà văn hóa lớn nhất của đất nước là Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh là hai người thực hiện thành công nhất nguyên lí này. Nguyễn Trãi đã vượt gộp được cả Nho giáo và truyền thống văn hóa đất nước. Hồ Chí Minh trong chương nói về Bác sỹ chứng minh, đã vượt gộp chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền thống văn hóa dân tộc. Việt Nam không phải là đất nước sản sinh được một Thích Ca, một Khổng Tử, một Platô (Platon), một Mác, mà là đất nước của sự vượt gộp.

Một thành tựu dù nhỏ bé, nhưng thành công đều là kết quả của sự vượt gộp. Nho giáo Việt Nam, cách thờ cúng tổ tiên, thơ mới, áo dài nữ, nem rán, sơn mài, hội họa, âm nhạc Việt Nam ... đều là kết quả của sự vượt gộp. Cho nên Việt Nam chắc chắn sẽ vượt gộp được văn hóa hậu công nghiệp trong việc làm cho nó thích hợp với tâm thức Việt Nam.

Khi đặt vấn đề như vậy, con đường đi của văn hóa học là rất rõ ràng. Giới thiệu những biện pháp vượt gộp, và tìm những biện pháp góp phần vào sự vượt gộp, dù là trong kinh tế, chính trị, quân sự hay văn học nghệ thuật, tư tưởng. Nó sử dụng những khái niệm riêng, theo một mục đích riêng và có phương pháp riêng.

Con đường vượt gộp không dễ dàng. Trong giai đoạn đầu, khi tiếp xúc với một giá trị của văn hóa mới từ nước ngoài, thế nào cũng phải trải qua một giai đoạn bắt chước máy móc. Có một sự đứt đoạn bắt buộc so với quá khứ. Sau đó là giai đoạn kết hợp một yếu tố nước ngoài với một yếu tố bản địa, nhưng kết quả của sự kết hợp làm người ta cảm thấy có gì lai căng. Cuối cùng, là sự vượt gộp đem đến một thành tựu được mọi người chấp nhận, phù hợp với tâm thức dân tộc, nhưng lại không phải cái ngàn xưa. Rồi trên cơ sở một sự vượt gộp thành công, sẽ có vô số sự đổi mới, phát triển.

Trong chính trị, quân sự, văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật đều có quá trình này. Nhưng vượt gộp không phải chỉ xảy ra một lần, mà lần này lượt khác. Trong quá trình mò mẫm này, có khi một sự vượt gộp thành công ở một nơi nào đó không được chấp thuận, nhưng thực tiễn lớn hơn lý thuyết, trước sau nó sẽ được chấp nhận và được phổ biến. Kinh nghiệm khoán ruộng ở Vĩnh Phú là một thí dụ. Để giúp Đảng đỡ vất vả trong việc này, cần đến một ngành khoa học mới là xã hội học với những con người có nhiệt tình cách mạng và ý thức tổ chức nhưng có tinh thần thực sự cầu thi, không giáo điều.

Công trình này không có tham vọng giải quyết vấn đề. Nó chỉ có tham vọng giới thiệu một số khái niệm và chứng minh tính hiệu lực của hệ thống khái niệm này trong việc xây dựng một văn hóa mới, phục vụ đổi mới và phát triển theo yêu cầu của CNXH. Tôi thuộc cái thế hệ sẽ qua đi, với những băn khoăn ray rứt của thế hệ này. Do hoàn cảnh làm việc tại Viện Đông Nam Á (ĐNA), tôi gặp nhiều học giả ĐNA và cảm thấy những băn khoăn của mình có tiếng đồng vọng ở các bạn ĐNA.

Trong đà phát triển của các nước Đông Á và ĐNA người ta đã thấy muôn cho một nước phát triển đuổi kịp phương Tây phải mất khoảng ba mươi năm, nếu sự lãnh đạo được toàn dân hưởng ứng và góp sức. Nhưng để có một nền văn hóa như văn hóa Việt Nam phải mất một ngàn năm và phải biết duy trì văn hóa này thì sự phát triển mới ổn định, vững chắc.

Sau khi nhận thức những khái niệm cơ bản của văn hóa học chúng ta có điều kiện để tìm hiểu bản sắc văn hóa.

Ghi chú:

(1) John King Fairbank, 1992. *China, a new History*, Harvard University Press, Cambridge London.

(2) Edgar Morin. 1991. *Un Nouveau commencement*, Seuil, Paris.